

DỰ THẢO



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

QCVN... :2024/BTNMT

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
VỀ TIẾNG ỒN

National Technical Regulation on Noise

HÀ NỘI - 2024

QCVN : 2024/BTNMT

Lời nói đầu

QCVN ...:2024/BTNMT thay thế QCVN 26:2010/BTNMT.

QCVN ...: 2024/BTNMT do Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường biên soạn, Vụ Khoa học và Công nghệ, Vụ Pháp chế trình duyệt; Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định và được ban hành theo Thông tư số .../2024/TT-BTNMT ngày tháng ... năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ TIẾNG ÒN

National Technical Regulation on Noise

1. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chuẩn này quy định giới hạn tối đa các mức tiếng ồn tại các khu vực bị ảnh hưởng có con người sinh sống, hoạt động và làm việc.

Tiếng ồn trong quy chuẩn này là mức ồn phát sinh từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, các phương tiện giao thông và các hoạt động dân sinh. Quy chuẩn này không áp dụng để đánh giá mức ồn tiếp xúc trong môi trường lao động, làm việc của các cơ sở sản xuất, xây dựng, thương mại, dịch vụ.

1.2. Đối tượng áp dụng

Quy chuẩn này áp dụng đối với cơ quan quản lý nhà nước về môi trường và mọi tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân liên quan tới việc phát sinh tiếng ồn trên lãnh thổ Việt Nam.

1.3. Giải thích thuật ngữ

1.3.1. Tiếng ồn trong quy chuẩn này được hiểu là các âm thanh lớn phát ra từ việc sử dụng các thiết bị, máy móc, công cụ, dụng cụ và các vật thể khác tới khu vực bị ảnh hưởng gây cảm giác khó chịu cho người nghe.

1.3.2. Khu vực bị ảnh hưởng là khu vực cần thực hiện việc đo đạc, quan trắc và kiểm soát tiếng ồn.

1.3.3. Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có khả năng gây tiếng ồn quy định trong quy chuẩn này là các cơ sở có sử dụng các thiết bị, máy móc, công cụ, dụng cụ phát ra tiếng ồn theo chủng loại và số lượng quy định tại Phụ lục kèm theo.

1.3.4. Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khác là các cơ sở còn lại không thuộc quy định tại mục 1.3.3.

1.3.5. Tiếng ồn nền là tiếng ồn đo được khi không có tiếng ồn phát sinh từ nguồn ồn cần đo tại khu vực đánh giá, đo đạc.

1.3.6. Phân loại tiếng ồn

- Tiếng ồn liên tục là tiếng ồn được phát ra liên tục từ nguồn gây ồn mà không bị ngắt quãng. Tiếng ồn liên tục bao gồm:

+ Tiếng ồn cố định (stationary noise) là tiếng ồn liên tục có mức áp suất âm thay đổi không đáng kể trong thời gian tiếng ồn được phát ra;

+ Tiếng ồn dao động (fluctuating noise) là tiếng ồn liên tục có mức áp suất âm thay đổi đáng kể nhưng không phải là dạng xung.

- Tiếng ồn xung (impulsive noise) là tiếng ồn phát ra trong khoảng thời gian rất ngắn, (dưới 1 giây) từ một nguồn gây ồn xác định và có thể lặp lại trong 1 khoảng thời gian đo;

- Tiếng ồn gián đoạn (intermittent noise) là tiếng ồn phát ra liên tục từ một nguồn gây ồn xác định nhưng bị ngắt quãng trong một khoảng thời gian và mỗi chu kỳ phát ra tiếng ồn liên tục kéo dài tối thiểu 5 giây.

1.3.7. Khoảng thời gian đo là khoảng thời gian mà phép đo được thực hiện liên tục.

1.3.8. Mức áp suất âm theo trọng số tần số (L_A) là mười lần logarit cơ số 10 của tỷ số giữa bình phương mức áp suất âm theo thời gian và bình phương của giá trị tham chiếu, được tính theo đơn vị decibel (dB):

$$L_A = 10 \lg \frac{p_a^2}{p_0^2} \text{ (dB)}$$

p_a và p_0 là mức áp suất âm biểu thị bằng đơn vị pascal (Pa)

$$p_0 = 20 \text{ } \mu\text{Pa}$$

1.3.9. Mức áp suất âm liên tục tương đương ($L_{eq,T}$) là mười lần logarit cơ số 10 của tỷ số giữa trung bình thời gian của bình phương áp suất âm p_a trong khoảng thời gian đo T với bình phương áp suất âm tham chiếu p_0 .

$$L_{Aeq,T} = 10 \lg \frac{1}{T} \int_{t_1}^{t_2} p_A^2(t) dt \text{ dB}$$

Trong đó:

$p_A(t)$ là áp suất âm tức thời theo trọng số A, tại thời điểm t ;

p_0 bằng 20 μPa .

T: thời gian đo tiếng ồn

1.3.10. Mức áp suất âm vượt 90 phần trăm (L_{90}) là mức áp suất âm mà tại đó số giá trị quan trắc vượt quá chiếm 90% khoảng thời gian đo.